ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN TIÊN LÃNG
TRƯỜNG TIỂU HỌC ĐOÀN LẬP

Biểu mẫu 2.4
Kèm theo Công văn số 551 /SGD ĐT-TTr ngày 17 tháng 3 năm 2022 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

THÔNG BÁO

Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên của trường tiểu học Đoàn Lập
Năm học 2022 - 2023

(Kèm theo Quyết định số...../QĐ-THĐL ngày 08/6/2023 của Hiệu trưởng trường tiểu học Đoàn Lập)

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp				Ghi chú
			TS	ThS	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC	Hạng IV	Hạng III	Hạng II	Tốt	Khá	Đạt	Chưa đạt	
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	**32**	**0**	**0**	**27**	**03**	**01**	**01**	**0**	**08**	**22**	**03**	**25**	**0**	**0**	
I	Giáo viên	**28**	0	0	25	03	0	0	0	08	20	03	23	0	0	02 GV mới tuyển chưa đánh giá
	Trong đó GV chuyên biệt	**05**	0	0	03	02	0	0	0	04	01	01	03	0	0	01 GV mới tuyển chưa đánh giá chuẩn
1	Tiếng dân tộc	**0**	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
2	Ngoại ngữ	**02**	0	0	02	0	0	0	0	01	01	01	0	0	0	01 GV mới tuyển chưa đánh giá chuẩn
3	Tin học	**0**	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
4	Âm nhạc	**02**	0	0	01	01	0	0	0	02	0	0	02	0	0	
5	Mĩ thuật	**01**	0	0	0	01	0	0	0	01	0	0	01	0	0	
6	Thể dục	**0**	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	

Scanned with CamScanner

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp				Ghi chú
			TS	ThS	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC	Hạng IV	Hạng III	Hạng II	Tốt	Khá	Đạt	Chưa đạt	
II	**Cán bộ quản lý**	**02**	0	0	02	0	0	0	0	0	02	0	02	0	0	
1	Hiệu trưởng	**01**	0	0	01	0	0	0	0	0	01	0	01	0	0	
2	Phó hiệu trưởng	**01**	0	0	01	0	0	0	0	0	01	0	01	0	0	
III	**Nhân viên**	**02**	**0**	**0**	0	0	01	01								
1	Nhân viên văn thư	0	0	0	0	0	0	0								
2	Nhân viên kế toán	**0**	0	0	0	0	0	0								
3	Thủ quỹ	**0**	0	0	0	0	0	0								
4	Nhân viên y tế	**0**	0	0	0	0	0	0								
5	Nhân viên thư viện	**01**	0	0	0	0	01	0								
6	Nhân viên thiết bị, thí nghiệm	**0**	0	0	0	0	0	0								
7	Nhân viên công nghệ thông tin.	**0**	0	0	0	0	0	0								
8	NV hỗ trợ GD người khuyết tật	**0**	0	0	0	0	0	0								
9	Nhân viên bảo vệ	**01**	0	0	0	0	0	01								
10	Nhân viên phục vụ	**0**	0	0	0	0	0	0								

Đoàn Lập, ngày 09 tháng 6 năm 2023

Thủ trưởng đơn vị

Bùi Thị Thanh Huyền

Scanned with CamScanner

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN TIÊN LÃNG
TRƯỜNG TIỂU HỌC ĐOÀN LẬP

Biểu mẫu 2.3
Kèm theo Công văn số 551/SGD ĐT-TTr ngày 17 tháng 3 năm 2022 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

THÔNG BÁO
Công khai thông tin cơ sở vật chất của trường tiểu học Đoàn Lập
Năm học 2022 – 2023

(Kèm theo Quyết định số...../QĐ-THĐL ngày 08/6/2023 của trường tiểu học Đoàn Lập)

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	**Số phòng học/số lớp**		Số m^2/học sinh
II	**Loại phòng học**		-
2	Phòng học kiên cố	21	1.12
2	Phòng học bán kiên cố	/	-
3	Phòng học tạm	/	-
4	Phòng học nhờ, mượn	/	-
III	**Số điểm trường**	00	-
IV	**Tổng diện tích đất** (m^2)	5222.7	7 m^2
V	**Diện tích sân chơi, bãi tập** (m^2)	2159	2.92 m^2
VI	**Tổng diện tích các phòng**		
1	Diện tích phòng học (m^2)	1036	1.43 m^2
2	Diện tích thư viện (m^2)	56	0.07 m^2
3	*Diện tích phòng GDTC hoặc nhà đa năng (m^2)*	0	0
4	*Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật (m^2)*	48	1.37 m^2
5	*Diện tích phòng ngoại ngữ (m^2)*	48	1.37 m^2
6	*Diện tích phòng học tin học (m^2)*	48	1.37 m^2
7	*Diện tích phòng thiết bị giáo dục (m^2)*	40	1.14 m^2
8	*Diện tích phòng hỗ trợ giáo dục học sinh khuyết tật học hòa nhập (m^2)*	18	2.57 m^2
9	*Diện tích phòng truyền thống và hoạt động Đội (m^2)*	18	0.025 m^2

Scanned with CamScanner

VII	**Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu** (Đơn vị : bộ)		Số bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định	13	13/21 = 0.62
1.1	Khối lớp 1	04	04/04 = 1
1.2	Khối lớp 2	0	0
1.3	Khối lớp 3	0	0
1.4	Khối lớp 4	05	05/04 = 1.25
1.5	Khối lớp 5	05	05/05 = 1
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định	00	
2.1	Khối lớp 1	00	0
2.2	Khối lớp 2	04	01
2.3	Khối lớp 3	04	01
2.4	Khối lớp 4	00	0
2.5	Khối lớp 5	00	0
VIII	**Tổng số máy vi tính đang được sử dụng phục vụ học tập** (Đơn vị tính: bộ)	**22**	1.59 học sinh/bộ
IX	**Tổng số thiết bị dùng chung khác**		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	23	25/21= 1.1
2	Màn hình tương tác	03	03/21=0.14
3	Cát xét	01	01/21 = 0,05
4	Đầu Video/đầu đĩa	02	02/21 = 0,1
5	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	04	04/21 = 0,19
6	Máy soi vật thể	06	06/21 = 0.28
7	Máy chụp ảnh	01	01/21=0.047
8	Camera	04	04/21= 0.19
9	Thiết bị trải nghiệm các môn: Toán, TNXH, khoa học.	35	35/35 = 01

Scanned with CamScanner

	Nội dung	Số lượng (m^2)
X	Nhà bếp	30
XI	Nhà ăn	0

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m^2)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	13 phòng, 728 m^2	530	1.37 m^2/chỗ
XIII	Khu nội trú	0	0	0

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m^2/học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	02	00	02	00	0.1
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*	00	00	00	00	00

*(*Theo Thông tư số 28/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường tiểu học và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu – điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh).*

		Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
XVII	Kết nối internet	x	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	x	
XIX	Tường rào xây	x	

Đoàn Lập, ngày 09 tháng 6 năm 2023

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên, đóng dấu)

TRƯỜNG TIỂU HỌC ĐOÀN LẬP

Bùi Thị Thanh Huyền

Scanned with CamScanner

UBND HUYỆN TIÊN LÃNG
TRƯỜNG TIỂU HỌC ĐOÀN LẬP

Biểu mẫu 2.2

THÔNG BÁO

Công khai thông tin chất lượng giáo dục cuối năm học 2022-2023

(Kèm theo Quyết định số 29/QĐ-THĐL ngày 08/6/2023 của Hiệu trưởng trường tiểu học Đoàn Lập)

TT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp				
			Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
I	**Tổng số học sinh**	738	123	158	127	152	178
II	**Số học sinh học 2 buổi/ngày**	738	123	158	127	152	178
III	**Số học sinh khuyết tật học hòa nhập**	7	2	2	1	1	1
IV	**Số học sinh chia theo kết quả giáo dục**	**408**					
1	Hoàn thành xuất sắc *(tỷ lệ so với tổng số)*	48,5%	55,3%	50%	40,2%		
2	Hoàn thành tốt *(tỷ lệ so với tổng số)*	23,5%	24,4%	19%	28,3%		
3	Hoàn thành *(tỷ lệ so với tổng số)*	26,5%	17,9%	30,4%	29,9%		
4	Chưa hoàn thành *(tỷ lệ so với tổng số)*	1,5%	2,4%	0,6%	1,6%		
V	**Tổng hợp kết quả cuối năm**	**738**					
1	Số HS hoàn thành chương trình lớp học *(tỷ lệ so với tổng số)*	98,9%	97,6%	99,4%	98,4%	98,7%	100%
	HS được khen thưởng cấp trường *(tỷ lệ so với tổng số)*	70,1%	79,7%	63,9%	66,1%	63,2%	77,5%
	HS được cấp trên khen thưởng *(tỷ lệ so với tổng số)*	14,5%	9,8%	10,8%	14,2%	23,7%	13,5%
2	Số HS chưa hoàn thành chương trình lớp học *(tỷ lệ so với tổng số)*	1,1%	2,4%	0,6%	1,6%	1,3%	0%

Đoàn Lập, ngày 09 tháng 6 năm 2023

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên và đóng dấu)

Bùi Thị Thanh Huyền

Scanned with CamScanner